

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ việc dân sự thụ lý số 313/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2020, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu: Bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1985;
- Người yêu cầu: Ông Châu Ngọc Q, sinh năm 1972;
- Cùng địa chỉ: Đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu thuận tình ly hôn là loại việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do người yêu cầu có nơi cư trú tại Quận 2 nên theo điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ Biên bản hòa giải thành ngày 19/8/2020 và Đơn yêu cầu thuận tình ly hôn có trong hồ sơ, Tòa án nhân dân Quận 2 nhận thấy:

- Về hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 113; Quyền số 01/2010 do Ủy ban nhân dân phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/10/2010 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Kim L và ông Châu Ngọc Q là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp.

Trong thời gian chung sống vợ chồng, bà Trần Thị Kim L và ông Châu Ngọc Q phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc do không hợp nhau, không cùng quan điểm sống. Bà Trần Thị Kim L và ông Châu Ngọc Q đã nhiều lần hàn

gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống.

Xét quan hệ hôn nhân của bà Trần Thị Kim L và ông Châu Ngọc Q là không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của cả hai là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

- Về việc nuôi con: Bà L và ông Q xác nhận có 01 con tên Châu Trần Thiên P, sinh ngày 18/5/2013. Hai bên thỏa thuận bà L trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con Châu Trần Thiên P, sinh ngày 18/5/2013. Ông Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng từ sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ mười tám tuổi.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

- Về lệ phí: Lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà Trần Thị Kim L tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí, án phí mà bà L đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2018/0027864 do Chi cục thi hành án Quận 2 lập ngày 13/8/2020.

Xét sự thỏa thuận trên của bà Trần Thị Kim L và ông Châu Ngọc Q không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên ghi nhận sự thỏa thuận trên.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim L và ông Châu Ngọc Q thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của bà Trần Thị Kim L và ông Châu Ngọc Q theo Giấy chứng nhận kết hôn số 113; Quyền số 01/2010 do Ủy ban nhân dân phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/10/2010 chấm dứt kể từ ngày Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật.

- Về việc nuôi con: Bà L và ông Q có 01 con tên Châu Trần Thiên P, sinh ngày 18/5/2013. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa hai bên giao bà L trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con Châu Trần Thiên P, sinh ngày 18/5/2013. Ông Q cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng từ sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ mười tám tuổi.

Hai bên thi hành việc cấp dưỡng tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo qui định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung: Không có.
- Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

2. Về Lệ phí: Lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà Trần Thị Kim L tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí, án phí mà bà L đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2018/0027864 do Chi cục thi hành án Quận 2 lập ngày 13/8/2020.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Thi hành án dân sự Quận 2;
- Các đương sự;
- UBND phường B, Quận C;
- Lưu VP, hồ sơ (Tường).

THẨM PHÁN

Trần Thị Minh Yến